

Số: 1251/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1188/TLST - VHNGĐ ngày 29/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; Số định danh cá nhân: 001088034833; ĐHKHKT và nơi ở: **số nhà A ngách D, TDP Q, phường D, thành phố Hà Nội**.

- Chị **Trịnh Thị Y**, sinh năm 1997; Số định danh cá nhân: 001197021531; ĐHKHKT và nơi ở: **số nhà A ngách D, TDP Q, phường D, thành phố Hà Nội**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Trịnh Thị Y** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2016 tại **Ủy ban nhân dân phường D, quận H, thành phố Hà Nội** (cũ), do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc anh **Nguyễn Văn H** và chị **Trịnh Thị Y** thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y có 03 con chung là: Nguyễn Văn Đăng D, sinh ngày 12/11/2017 (nam), Nguyễn Quỳnh Khả H1, sinh ngày 08/02/2020 (nữ) và Nguyễn Nhật H2, sinh ngày 29/11/2024 (nam). Hai bên thống nhất:

+ Anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung là Nguyễn Văn Đăng D, sinh ngày 12/11/2017 (nam), Nguyễn Quỳnh Khả H1, sinh ngày 08/02/2020 (nữ) và Nguyễn Nhật H2, sinh ngày 29/11/2024 (nam) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Chị Trịnh Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y có 03 con chung là: Nguyễn Văn Đăng D, sinh ngày 12/11/2017 (nam), Nguyễn Quỳnh Khả H1, sinh ngày 08/02/2020 (nữ) và Nguyễn Nhật H2, sinh ngày 29/11/2024 (nam).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y: Giao cả 03 con chung là Nguyễn Văn Đăng D, sinh ngày 12/11/2017 (nam), Nguyễn Quỳnh Khả H1, sinh ngày 08/02/2020 (nữ) và Nguyễn Nhật H2, sinh ngày 29/11/2024 (nam) cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng cho con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trịnh Thị Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Trịnh Thị Y** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Trịnh Thị Y** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Trịnh Thị Y** thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về lệ phí Tòa án: Anh **Nguyễn Văn H** tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo biên lai thu số 0002487 ngày 29/7/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND khu vực 6;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Tiến Khoa